

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Hương Thảo.
2. Ông Nguyễn Vinh Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị B, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm 4, xã QuT, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Năng, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm 3B, xã QuT, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày: Chị và anh Trần Văn N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QuT, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/01/2008. Trong quá trình chung sống anh N không quan tâm đến vợ con, rượu chè, đánh đập chị, chị góp ý, tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, cuộc sống chung mệt mỏi nên chị và

anh N sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Vợ chồng có 01 (một) con chung Trần Thị Mai Ch, sinh ngày 01/11/2008 hiện nay con đang ở với anh N và ông bà nội. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn L (bố của anh N) trình bày: Mâu thuẫn giữa anh N và chị B cụ thể như thế nào ông không biết. Tòa án đã tổng đạt đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, ông không nhận nhưng ông biết và đã thông báo cho anh N biết việc chị B xin ly hôn, quyền nuôi con chung, tài sản. Qua nội dung trao đổi với ông, anh N có ý kiến: chị B xin ly hôn, anh không đồng ý, còn nếu ly hôn anh xin nuôi con chung Trần Thị Mai Ch, sinh ngày 01/11/2008 và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến cháu Trần Thị Mai Ch: cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Tam: Chị Phan Thị B và anh Trần Văn N có hộ khẩu thường trú tại xóm 3B, xã QuT, huyện Quỳnh Lưu. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không biết. Chị B xin ly hôn, quyền nuôi con đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của thẩm phán là hoàn toàn đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu tại xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Anh Trần Văn N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh N là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 20/01/2008). Trong thời gian chung sống vợ chồng thiếu sự tôn trọng, quan tâm lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, năm 2010 chị B, anh N sống ly thân cho đến nay nên tình cảm không còn. Quá trình giải quyết Tòa án đã báo anh N đến hòa giải để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, nhưng anh N vắng mặt, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh qua người thân của anh N và Ủy ban nhân dân xã QuT nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung Trần Thị Mai Ch, sinh ngày 01/11/2008 hiện nay đang ở với anh N và ông bà nội. Anh N có nguyện vọng được nuôi con, cháu Mai Ch có nguyện vọng được ở với bố, chị B đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh N mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành, xét sự tự nguyện của chị B là phù hợp thực tế và đảm bảo quyền

lợi cho con chung, nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện đó.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40, 147, 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị B và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Mai Ch, sinh ngày 01/11/2008 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Năng mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Phan Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về tài sản: Không xem xét.

3. Về án phí: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004538 ngày 01/6/2021. Chị B còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại

Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã QuT (nơi ĐKKH 2008);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến